

Số: 31/2011/QĐ-UBND

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển

BỘ CÔNG THƯƠNG

ngành, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh

AN GIANG ĐỊA PHƯƠNG

ĐẾN Số: 5806
Ngày: 08/8/11

ĐẾN Số: 1741
Ngày: 09/8/11

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Chuyên:

Chuyên:

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số 598/SCT-TTr ngày 22 tháng 7 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Huỳnh Thế Năng

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Trang Web Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Website tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng KT; Lưu: VT.

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích phát triển nghề,
làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh An Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu phát triển nghề, làng nghề

1. Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao qui mô, chất lượng, hiệu quả làng nghề và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này áp dụng cho hoạt động sản xuất phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc các thành phần dưới đây (gọi tắt là tổ chức, cá nhân):

- Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- Các tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

b) Các làng nghề tiểu thủ công nghiệp (gọi tắt là làng nghề).

Điều 3. Lĩnh vực ngành nghề, làng nghề khuyến khích phát triển

1. Chế biến nông, lâm, thủy sản.

2. Sản xuất sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm thân thiện với môi trường.

3. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.

4. Sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn.
5. Sản xuất các sản phẩm của làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận.
6. Ngành nghề truyền thống dân tộc Khmer và Chăm.
7. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
8. Dịch vụ tiêu thụ sản phẩm làng nghề.
9. Các lĩnh vực ngành nghề khác phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và được khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ

Điều 4. Hỗ trợ tín dụng

1. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề đầu tư mở rộng sản xuất và đầu tư mới phát triển nghề được vay vốn tín dụng theo quy định tại các văn bản sau đây:

a) Quyết định số 71/2005/QĐ - TTg ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế điều hành vốn cho vay của Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cơ chế quy định lãi suất và nguồn vốn cho vay;

b) Nghị định số 41/2010/ NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Theo từng dự án cụ thể của tổ chức, cá nhân và làng nghề, được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ 50% lãi suất tín dụng ưu đãi nhà nước từ nguồn vốn ngân sách tỉnh khi vay vốn của các Ngân hàng thương mại và Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thời gian hỗ trợ không quá ba (03) năm kể từ ngày vay vốn.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề

1. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề đầu tư dây chuyền sản xuất mới, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, được hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ (2011- 2015).

2. Các làng nghề có dự án đầu tư phát triển làng nghề; được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/dự án (mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất).

Điều 6. Lao động, đào tạo

1. Đào tạo nghề tiểu thủ công nghiệp cho lao động ở các làng nghề thực hiện theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

2. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề đầu tư mở rộng, đầu tư ngành nghề mới có sử dụng lao động phải qua đào tạo nghề, thì người lao động được hỗ trợ đào tạo nghề; chính sách hỗ trợ theo sự phân cấp của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 2, mục VII Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

Điều 7. Hỗ trợ quảng cáo, xúc tiến thương mại

1. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề được xem xét tham gia hội chợ - triển lãm; được hỗ trợ 100 % tiền thuê diện tích gian hàng tại hội chợ, triển lãm ở trong nước (không quá 02 gian/cơ sở và 02 lần/năm); từ 20% đến 30% (tùy từng thị trường) tiền thuê diện tích gian hàng tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài, từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh.

2. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và làng nghề 100% kinh phí quảng bá sản phẩm trên Website của tỉnh và của Sở Công thương, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề được hỗ trợ kinh phí xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm; từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh, theo Thông tư liên tịch số 125/TTLT-BTC-BCT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương về việc Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công; hoặc từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

4. Các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, khi xây dựng biển quảng bá làng nghề; được hỗ trợ không quá 50 triệu đồng cho Ủy ban nhân dân xã, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

5. Các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, được hỗ trợ chi phí thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh, theo Thông tư liên tịch số 125/TTLT- BTC-BCT ngày 17/6/2009.

6. Các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận, gắn với tuyến du lịch được hỗ trợ xây dựng một nhà trưng bày tổ chức sản xuất, giới thiệu sản phẩm phục vụ khách tham quan (không quá 100m², theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/ xã, từ ngân sách tỉnh.

Danh mục cụ thể các làng nghề gắn với tuyến du lịch do Sở Công Thương ban hành.

7. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề tham gia xúc tiến thương mại khai thác được thị trường mới có kim ngạch xuất khẩu năm đầu (thị trường mới) đạt từ 1 triệu USD trở lên, được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại; mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng, từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh (hỗ trợ một lần).

Điều 8. Ưu đãi về hạ tầng kỹ thuật

Các tổ chức, cá nhân và làng nghề đầu tư trong các cụm công nghiệp, được hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại. Mức hỗ trợ theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

Điều 9. Kêu gọi đầu tư phát triển nghề, làng nghề

1. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề phát triển nghề mới từ ngoài tỉnh (thuộc lĩnh vực ngành nghề, làng nghề khuyến khích phát triển tại Điều 3 của Quy định này), có quy mô sử dụng từ 50 lao động trở lên; thời gian ổn định từ 2 năm trở lên; được Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen và hỗ trợ 10 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề phát triển được một làng nghề mới từ ngoài tỉnh (thuộc lĩnh vực ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp khuyến khích tại Điều 3 của Quy định này), đủ tiêu chuẩn được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề; được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen và hỗ trợ 20 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

3. Các xã, phường, thị trấn có làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bằng công nhận; được hỗ trợ 10 triệu đồng cho làng nghề, 10 triệu đồng cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh, để tổ chức sinh hoạt các hoạt động của làng nghề.

Chương III

THỦ TỤC HỖ TRỢ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt kinh phí và quyết định hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch kinh phí hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề từ đầu năm và kế hoạch phát sinh trong năm.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề cho tổ chức, cá nhân và làng nghề từ 100 triệu đồng trở lên.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương quyết định chi hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề cho tổ chức, cá nhân và làng nghề dưới 100 triệu đồng.

Điều 11. Trình tự thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân và làng nghề có nhu cầu thì nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề đến Phòng Kinh tế (đối với thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc, thị xã Tân Châu), Phòng Kinh tế - Hạ tầng (đối với các huyện).

2. Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế (đối với thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc, thị xã Tân Châu), Phòng Kinh tế - Hạ tầng (đối với các huyện) chuyển hồ sơ Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương.

3. Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương:

a) Kiểm tra hồ sơ;

b) Phối hợp với Phòng Kinh tế (đối với thành phố Long Xuyên, thị xã Châu Đốc, thị xã Tân Châu), Phòng Kinh tế - Hạ tầng (đối với các huyện); Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xác minh tổ chức, cá nhân và làng nghề đề nghị hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề và lập biên bản thẩm định hồ sơ (theo mẫu số 02/KC-HTLN ban hành kèm theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh An Giang).

Hàng quý, tổng hợp hồ sơ thẩm định đề nghị Giám đốc Sở Công Thương chủ trì thông qua Hội đồng thẩm tra dự án hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề.

4. Đầu mỗi quý, căn cứ tính chất, phạm vi ngành nghề, Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm tra dự án hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề để thống nhất chế độ, chính sách, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân và làng nghề đề nghị hỗ trợ.

5. Trong thời hạn ba ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm tra dự án hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề thống nhất chế độ, chính sách, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân và làng nghề đề nghị hỗ trợ, Sở Công Thương xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo Quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Quyết định này.

6. Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 4. Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức và làng nghề.

7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của cơ quan, người có thẩm quyền theo Quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Quyết định này Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức và làng nghề có hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề.

b) Tổ chức cấp kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân và làng nghề được hỗ trợ theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 12. Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính tại và tại nơi thực hiện đề nghị hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và làng nghề.

Điều 13. Thành phần, số lượng hồ sơ

1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 01/KC-HTLN ban hành kèm theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh An Giang);

b) Bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để xuất trình cho người tiếp nhận hồ sơ) Giấy chứng nhận đăng ký thành lập nếu người đề nghị hỗ trợ là tổ chức kinh tế theo quy định pháp luật hiện hành ;

c) Quyết định thành lập của tổ chức kinh tế (nếu có);

d) Kế hoạch hoặc đề án hoặc dự án cho hoạt động phát triển nghề, làng nghề theo quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 Quy định này.

2. Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 14. Thời gian thực hiện

Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục này phải trả kết quả cá nhân, tổ chức và làng nghề nộp hồ sơ

Điều 15. Điều kiện thực hiện

1. Đối với hỗ trợ tín dụng thuộc Điều 4 Quy định này người được hỗ trợ phải là chủ sở hữu vốn, người trực tiếp vay vốn hoặc người được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện đầu tư cho dự án được hưởng ưu đãi.

2. Kế hoạch hoặc đề án hoặc dự án (gọi chung là dự án) phải khả thi, phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh An Giang; Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh An Giang;

3. Dự án chưa nhận được sự hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách Nhà nước cho cùng một nội dung.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan và UBND các cấp

1. Sở Công Thương:

a) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề hàng năm và phát sinh khi có yêu cầu; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan và địa phương để xét duyệt đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân và làng nghề theo Quy định này.

c) Tăng cường tranh thủ nguồn vốn từ các Chương trình quốc gia để thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển nghề, làng nghề.

d) Giao Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp:

- Hướng dẫn, hỗ trợ hồ sơ thủ tục cho tổ chức, cá nhân và làng nghề; xem xét, tổng hợp hồ sơ đăng ký hỗ trợ theo đúng quy định, đúng mục đích và đối tượng; đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định nội dung hỗ trợ.

- Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân và làng nghề được hỗ trợ, sử dụng kinh phí hiệu quả; kịp thời phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo lên cấp trên hoặc cơ quan chức năng xem xét, giải quyết.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề. Các báo cáo gửi Giám đốc Sở Công Thương và Giám đốc Sở Tài chính để phối hợp kiểm tra, xem xét và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Bố trí vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách hàng năm cho các dự án được hưởng chính sách khuyến khích phát triển nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện các dự án phát triển nghề, làng nghề.

3. Sở Tài chính:

Phân bổ kinh phí theo dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; kiểm tra thanh quyết toán và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố xây dựng quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề, làng nghề ở nông thôn.

b) Lồng ghép các chủ trương chính sách hỗ trợ, các đề án, dự án về việc phát triển ngành nghề nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, hỗ trợ cho việc phát triển nghề, làng nghề.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

Lập kế hoạch và hướng dẫn trình tự, thủ tục việc hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ đối với các mô hình, dự án về phát triển nghề, làng nghề và hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hoá và bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm nghề và làng nghề tiểu thủ công nghiệp

6. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

Có kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí từ Quỹ quốc gia về việc làm để hỗ trợ cho các dự án ở làng nghề có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh, thu hút giải quyết việc làm mới cho lao động nông thôn; hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề theo “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh”.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với các đối tượng theo Quy định này thực hiện dự án đầu tư và hướng dẫn các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với địa phương xây dựng các tuyến du lịch gắn với làng nghề, hình thành các nhà trưng bày tổ chức sản xuất, giới thiệu sản phẩm làng nghề.

9. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư:

Hỗ trợ quảng bá sản phẩm của các sản phẩm làng nghề trong các lần hội chợ trong và ngoài nước.

10. Cục Thuế tỉnh:

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong làng nghề, cụm công nghiệp phục vụ làng nghề làm thủ tục để hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất theo qui định của pháp luật.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh An Giang:

a) Chỉ đạo các Chi nhánh Ngân hàng thương mại và các Quỹ Tín dụng nhân dân trên địa bàn tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong làng nghề, cụm công nghiệp phục vụ làng nghề vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

b) Đề xuất các cơ chế cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất cho việc phát triển nghề, làng nghề.

c) Giao Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh tỉnh An Giang hướng dẫn thủ tục cho các tổ chức, cá nhân và làng nghề được xem xét hỗ trợ 50% lãi suất tín dụng ưu đãi nhà nước, từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

12. Các Sở, ngành cấp tỉnh có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung tại bản Quy định này.

13. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố: triển khai xây dựng các dự án phát triển nghề, làng nghề thuộc địa bàn quản lý.

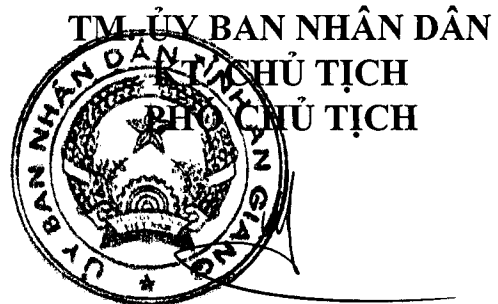
14. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức phát triển nghề, làng nghề ở địa phương; phân công 01 đồng chí lãnh đạo, 01 đồng chí cán bộ khuyến công, trực tiếp phụ trách, theo dõi công tác phát triển nghề, làng nghề.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Các lĩnh vực ưu đãi liên quan đến phát triển nghề, làng nghề không nêu trong Quy định này được áp dụng theo các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và quy định khác của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân và làng nghề được hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, và chịu sự kiểm tra của Sở Công Thương (Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp). Trường hợp không còn hoạt động hoặc giải thể thì tổ chức, cá nhân và làng nghề phải kịp thời báo cáo Giám đốc Sở Công Thương để theo dõi xử lý kịp thời và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Sở ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố; các tổ chức, cá nhân và làng nghề phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Huỳnh Thế Năng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

Hôm nay, ngày..... tháng năm tại

Thành phần: Chúng tôi gồm có:

1. Trung tâm Khuyến công & Tư vấn phát triển công nghiệp An Giang.
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
2. Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị, thành
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
3. UBND phường, xã, thị trấn :
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
4. Đại diện Cơ sở/ Doanh nghiệp:/ Hộ sản
xuất.....
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:
- Ông (Bà):.....; Chức vụ:

Nội dung: Tiến hành thẩm định dự án “.....”
.....”

Xem xét sự phù hợp của dự án

1. Ngành nghề đầu tư:

2. Phù hợp của dự án với các quy định về hỗ trợ

3. Phù hợp nội dung dự án (sự cần thiết, mục tiêu đầu tư, hình thức đầu tư, địa điểm đầu tư, thiết bị đầu tư, đánh giá nhu cầu thị trường, điều kiện cung cấp nguyên liệu,, các yếu tố khác)

4. Phân tích tài chính dự án

- Vốn đầu tư:
- Doanh thu:
- Chi phí sản xuất:.....
- Lợi nhuận trước thuế:.....
- Lợi nhuận ròng:
- Tỷ suất lợi nhuận/vốn:.....

5. Thời gian hoàn vốn của dự án:

6. Độ an toàn về tài chính của dự án (Đối với dự án hỗ trợ lãi suất):

- Vốn vay/Vốn đầu tư =
 - Tích lũy trả nợ/Nợ gốc phải trả hàng năm =
- (Tích lũy trả nợ = Lợi nhuận ròng + Khấu hao hàng năm)

Kết luận:

CƠ SỞ / DN / HỘ SX

UBND PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN

PHÒNG KNH TẾ-HẠ TÀNG

TT KHUYẾN CÔNG & PTCN

Xác nhận UBND HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ